

SỞ GD&ĐT ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM 2025
Nguồn kinh phí: Giữ xe - căn tin

Công khai từ 01/01/2025 đến 30/09/2025

Nội dung		Số tiền
A. Phần thu		
Số dư đầu		67.436.976
Tiền tạm ứng		66.200.000
Kinh phí thu nhà xe, căn tin đến ngày 30/09/2025		50.000.000
Thu tiền lãi ngân hàng		306.441
Kinh phí được sử dụng đến 30/09/2025		183.943.417
B. Phần chi		
Stt	Nội dung chi	Số tiền
1	Chi nộp thuế năm 2025	2.500.000
2	Chi phí quản lý tài khoản ngân hàng	137.500
3	Chi thanh toán tiền com tổng kết năm học	27.522.000
	Tổng chi	30.159.500
C. Số dư đến ngày 30/09/2025 trong đó :		153.783.917

Trích 40% cải cách tiền lương

18.000.000

Trích nộp thuế TNDN năm 2025

2.500.000

Kinh phí 60% được sử dụng chi hoạt động (Tiền tạm ứng : 67.100.000đ)

133.283.917

KẾ TOÁN

Trần Thị Trung Hiếu



Bình Phước, ngày 09 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Hà Tuấn Kiệt

SỞ GD&ĐT ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024 - 2025
Nguồn kinh phí: Phục vụ học tập vệ sinh trường lớp

Nội dung		Số tiền
A. Phần thu		
Số dư năm trước chuyển sang		2.014.054
Kinh phí thu trong năm học 2024 - 2025		434.338.750
Kinh phí được sử dụng trong năm học 2024 - 2025		436.352.804
B. Phần chi		
Stt	Nội dung chi	Số tiền
1	Chi khen thưởng cho HSG, học sinh xuất sắc năm học 2024-2025 và học sinh đạt thành tích trong các phong trào	177.700.000
2	Chi thanh toán mua giấy thi, giấy nháp, giấy trắc nghiệm và giấy A4 tổ chức thi giữa kỳ, học kỳ năm học 2024-2025	79.382.000
3	Thuê rạp và mua vật dụng vệ sinh	80.945.000
4	Chi thuê công quét dọn phòng học	94.500.000
	Tổng chi trong năm học 2024 - 2025	432.527.000
C. Số dư cuối chuyển năm sau		3.825.804

KẾ TOÁN



Trần Thị Trung Hiếu

Bình Phước, ngày 09 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hà Tuấn Kiệt

SỞ GD&ĐT ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024 - 2025
Nguồn kinh phí: Dạy thêm học thêm

Nội dung		Số tiền
A. Phần thu		
Số dư năm trước chuyển sang		19.276.599
Kinh phí thu trong năm học 2024 - 2025		2.232.144.400
Kinh phí được sử dụng trong năm học 2024 - 2025		2.251.420.999
B. Phần chi		
Stt	Nội dung chi	Số tiền
1	Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	1.781.000.000
2	Chi công tác quản lý và phục vụ	314.800.000
3	Chi thanh toán tiền điện, nước sinh hoạt và sửa chữa CSVC	155.620.999
	Tổng chi trong năm học 2024 - 2025	2.251.420.999
C. Số dư cuối chuyển năm sau		-

KẾ TOÁN

Trần Thị Trung Hiếu

Bình Phước, ngày 09 tháng 10 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Hà Tuấn Kiệt

SỞ GD&ĐT ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024 - 2025
Nguồn kinh phí: BHYT

Nội dung		Số tiền
A. Phần thu		
Số dư năm trước chuyển sang		144.337.901
Kinh phí thu trong năm học 2024 - 2025		87.295.686
Kinh phí được sử dụng trong năm học 2023 - 2024		231.633.587
B. Phần chi		
Stt	Nội dung chi	Số tiền
1	Chi mua thuốc, vật dụng y tế sơ cấp cứu, xử lý ban đầu cho học sinh khi bị tai nạn và các bệnh thông thường	5.627.000
2	Các khoản chi khác để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cơ sở giáo dục.	
	Tổng chi trong năm học 2024 - 2025	5.627.000
C. Số dư cuối chuyển năm sau		226.006.587

KẾ TOÁN

Trần Thị Trung Hiếu



Bình Phước ngày 09 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Hà Tuấn Kiệt

Đơn vị: **TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU**Chương: **422****CÔNG KHAI THỰC HIỆN THU - CHI NĂM 2025***Nguồn: Học phí*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: *đồng***Công khai từ 01/01/2025 đến 30/09/2025**

Số TT	Nội dung	Số tiền
I	Học phí năm trước chuyển sang	194.183.838
II	Học phí thu được đến ngày 30/9/2025	862.592.000
III	Số thu học phí được sử dụng trong năm 2025 (tính đến hết tháng 9/2025)	1.056.775.838
IV	Số tiền đã sử dụng trong năm 2025 (tính đến hết tháng 9/2025)	525.391.368
1	Chi phụ cấp ngoài trời cho GV thể dục	10.108.800
2	Chi khen thưởng học sinh giỏi, xuất sắc năm học 2024-2025	76.000.000
3	Thanh toán nước uống	3.255.000
4	Tiền điện tháng	14.237.247
5	Tiền nước sinh hoạt tháng	12.268.828
6	Văn phòng phẩm, thay mực máy in, máy photo	7.618.000
7	Thanh toán tiền mua máy thổi lá cầm tay, mua bàn làm việc thư viện	9.912.000
8	Thanh toán tiền mua vật dụng trang trí các ngày Lễ Tết Nguyên Đán, ngày 30/4	26.490.000
9	Thanh toán tiền chăm sóc bốn phân cây xanh khuôn viên trường	7.018.200
10	Thanh toán tiền điện thoại, internet	3.192.646
11	Thanh toán tiền duy trì phần mềm kế toán, trang website trường	24.277.000
12	Thuê mướn xe vận chuyển bàn ghế từ Sở Giáo dục Bình Phước cũ về trường, thuê mướn xe đi công tác Sở GD&ĐT Đồng Nai	13.288.000
13	Thanh toán tiền thuê Giáo viên Hợp đồng thỉnh giảng	15.120.000
14	Thanh toán tiền thuê mướn trang phục cho học sinh biểu diễn văn nghệ các ngày lễ	14.655.000
15	Thanh toán tiền sửa chữa các lớp học, sân tập thể dục	139.472.467
16	Thanh toán tiền sửa chữa camera, máy photo, máy in, máy vi tính, dây cáp mạng	64.279.000
17	Thanh toán tiền mua máy tính xách tay phòng Kế toán	14.950.000
18	thi khoa học kỹ thuật, thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh, làm công trại tham gia hội trại tòng quân TP.Đồng Xoài,	38.590.400
19	Thanh toán tiền giáo viên tập huấn cho học sinh tham gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật năm học 2024-2025	15.750.000
20	Thanh toán tiền mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đối với tài sản nhà trường	8.513.450
21	Thanh toán tiền tiếp khách	6.395.330
VI	Kinh phí còn lại đến ngày 30/09/2025	531.384.470



Thuyết minh kinh phí còn lại: Tiếp tục chi hoạt động cho đến hết năm 2025

KẾ TOÁN



Trần Thị Trung Hiếu

Bình Phước, ngày 09 tháng 10 năm 2025



HỘI TRƯỞNG

Hà Tuấn Kiệt



Đơn vị: **TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU**Chương: **422****CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH***Nguồn: Ngân sách nhà nước*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: *đồng***Công khai từ 01/01/2025 đến 30/09/2025**

Số TT	Nội dung	Số tiền
I	Dự toán năm trước chuyển sang	316.511.159
II	Dự toán giao trong năm 2025 (tính đến hết tháng 9/2025)	22.231.205.000
III	Dự toán được sử dụng trong năm 2025 (tính đến hết tháng 9/2025)	22.547.716.159
IV	Dự toán đã sử dụng trong năm 2025 (tính đến hết tháng 9/2025)	15.482.960.870
1	Lương biên chế	7.732.562.283
2	Lương hợp đồng 68 (bảo vệ, phục vụ)	300.736.808
3	Phụ cấp chức vụ (BGH, TTCM, TTVP, TPCM)	123.318.000
4	Phụ cấp ưu đãi đứng lớp	2.332.236.307
5	Phụ cấp trách nhiệm và độc hại (bí thư, phó bí thư đoàn, thủ quỹ, văn thư)	11.934.000
6	Thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	1.472.468.481
7	Trà khô, nước uống	28.503.475
8	Bảo hiểm xã hội	1.636.777.459
9	Bảo hiểm y tế	288.843.081
10	Kinh phí công đoàn	106.069.744
11	Bảo hiểm thất nghiệp	96.281.028
12	Bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp	49.101.644
13	Tiền điện	69.684.612
14	Tiền nước sinh hoạt	63.307.873
15	Thanh toán tiền rác thải	24.549.000
16	Văn phòng phẩm	35.753.400
17	Tiền điện thoại, Internet	26.809.766
18	Thanh toán tiền công tác phí cho CB, GV	128.972.000
19	Thanh toán hợp đồng giáo viên và thuê mướn trang phục trong các đợt tổ chức lễ	36.600.000
20	Thanh toán sửa chữa điện, nướ khu phòng học	9.700.000
21	Thanh toán phụ cấp ngoài trời cho giáo viên thể dục và ANQP	45.489.600
22	Chi hỗ trợ chi phí học tập cho học	9.900.000
23	Chi khen thưởng cho CB, GV, CNV theo NĐ 73	495.999.809
24	Tiền tết nguyên đán năm 2025	178.000.000
25	Chi hội đồng thi THPT, tuyển sinh 10 và thi THPT	179.362.500
V	Kinh phí còn lại đến ngày 30/09/2025	7.064.755.289

Thuyết minh kinh phí còn lại: Tiếp tục chi lương, phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội và hoạt động từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2025.



KẾ TOÁN



Trần Thị Trung Hiếu

Bình Phước, ngày 09 tháng 10 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Hà Tuấn Kiệt

